

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 23/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 22/4/2024

(V/v: Ly hôn, chia tài sản chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lưu Thị Thôi.

2. Ông: Nguyễn Văn Đô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thuỳ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 313/2023/TLST- HNGĐ ngày 07/6/2023 “V/v: Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số A, P, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn: ông Trần Văn L – Văn phòng luật sư Trần Văn L - Đoàn luật sư thành phố H.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Việt T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu phố D, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của bị đơn: ông Phan Long L1 – Công ty L2 - Đoàn luật sư thành phố H.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn.

Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo bản tự khai ngày 08/6/2023, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Việt T1 tự tìm hiểu có tổ chức cưới và chung sống vào năm 2011, không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và cho đến nay không còn chung sống với nhau

nữa. Nay bà không còn tình cảm với ông T1 nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

- **Về con chung**: không có.

- **Về tài sản chung**:

1/01 căn nhà và 01 phòng khám chữa bệnh tại số A, N, khu phố A phường H, Tp .: Cụ thể tài sản bao gồm toàn bộ cơ sở thiết bị y tế và nhà để ở được xây dựng trên diện tích đất 686,3m² đã được cấp GCN QSD đất gồm các thửa: 62, 63, 39 tờ bản đồ số 27 đang đồng sở hữu bà và ông T1 đứng tên trên GCN QSD đất. Giá trị tạm tính 01 tỷ đồng.

2/Thửa số 21 diện tích đất 525,2m² tọa lạc tại khu phố D phường H, thành phố P theo bản đồ 920 hiện nay quy chủ ông Thái Kim T2 do vợ chồng bà mua năm 2013 bằng tiền chung từ nguồn thu nhập phòng khám.

3/Thửa đất số 18, diện tích 10110,7m² tọa lạc tại khu phố D phường H, thành phố P theo bản đồ 920 hiện nay quy chủ ông Thái Kim H vợ chồng bà mua năm 2017 bằng tiền chung từ nguồn thu nhập phòng khám. Giá trị tạm tính 02 thửa đất là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Bà yêu cầu Tòa chia đôi phần tài sản chung trên bằng hiện vật.

Về nợ chung: không có.

Ngày 16/7/2023, bà T có đơn khởi kiện bổ sung chia tài sản chung gồm:

1/Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại khu phố D, phường H, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00566 do UBND thành phố P cấp ngày 18/8/2014 do ông Nguyễn Việt T1 đứng tên, giá tạm tính 100.000.000 đồng.

2/Thửa đất số 01, tờ bản đồ trích đo 21/2012 tọa lạc tại khu phố D, phường H, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 100208 do UBND thành phố P cấp ngày 28/8/2013 do ông Nguyễn Việt T1 đứng tên, giá tạm tính 100.000.000 đồng.

3/Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại khu phố D, phường H, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Cs 00727 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/3/2016 do ông Nguyễn Việt T1 đứng tên, giá tạm tính 50.000.000 đồng

4/Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại khu phố D, phường H, thành phố P đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố P cấp ngày 06/11/2018 do ông Nguyễn Việt T1 đứng tên, giá tạm tính 50.000.000 đồng.

5/Xe cấp cứu Hyundai Starex biển số 86B -011.68 do ông Vũ Ngọc T3 đứng tên, giá tạm tính 200.000.000 đồng.

6/Máy xét nghiệm huyết học hiệu Minday BC – 3000 plus, giá tạm tính 20.000.000 đồng.

7/Máy X quang Beam limiting device Samil X ray XSM 5530, giá tạm tính 20.000.000 đồng.

8/Máy X quang răng HN -8-X ray tube, giá tạm tính 5.000.000 đồng.

9/Máy siêu âm Mindray model D6 -2, giá tạm tính 10.000.000 đồng.

10/Ghế nha khoa, giá tạm tính 5.000.000 đồng.

11/Máy khám tai mũi họng, giá tạm tính 5.000.000 đồng.

12/Tiền đầu tư xây dựng 02 nhà sàn bằng gỗ và bàn ghế gỗ và đá tại khu V trên 04 thửa đất nêu trên, giá tạm tính 500.000.000 đồng.

13/Tiền mặt 840.000.000 đồng (số tiền 2.440.000.000 đồng trong tài khoản chung 0621370400842 Ngân hàng V – Chi nhánh B).

Tổng giá trị tài sản tạm tính là 1.905.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu chia đôi tài sản trên và yêu cầu nhận hiện vật đối với đất.

Ngày 21/3/2024, bà T có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Tại phiên Tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Nguyễn Việt T1 ly hôn. Về tài sản chung yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa giữa bà và ông T1 được lập tại biên bản hoà giải ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

***/Theo bản tự khai ngày 20/6/2023, bị đơn ông Nguyễn Việt T1 trình bày:**

1/Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Cẩm T có quen biết quan hệ tình cảm và sống chung với nhau từ tháng 11/2011, có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Từ tháng 11/2011 đến tháng 5/2021 lúc bà T dọn hẳn rời khỏi phòng khám, ông bà chấm dứt quan hệ tình cảm. Trong khoảng thời gian đó do mâu thuẫn lối sống, do mâu thuẫn tình cảm bà T cũng một số lần rời phòng khám đi vài tuần, vài tháng (2015, 2017, 2018), và có khoảng thời gian hơn 2 năm bà T học tập thẩm mỹ tại tp Hồ Chí Minh (2018-2020) tại Viện Da Liễu tp H1, Đại học Y dược tp H2 và hiện tại bà T mở SPA riêng tại tp Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung trước đây với mục đích làm cho cuộc sống tốt hơn, mỗi người thấy hạnh phúc hơn không đạt được như ý muốn. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

2/Về con chung: không có.

3/Về tài sản chung:

Đối với 3 tài sản bà T yêu cầu giải quyết ông có ý kiến như sau: Đối với tài sản thứ nhất theo đơn bà T, tại A N, phường H, thành phố P có một số đặc điểm như sau: Sổ đỏ bà T đang giữ cả 3 quyền. ông đã đề xuất với bà T cùng bán và chia đôi khi được giá hơn vì tại thời điểm này thị trường đang đi xuống; Chia đôi tài sản theo chiều dọc, ai tự quản lý và tự bán.

Tài sản thứ 2 và thứ 3 với quá trình tạo lập tài sản như sau: Từ năm 2012 ông có mua các lô đất trồng cây lâu năm khu vực S, phường H với tổng số tiền 3 tỷ 105 triệu, trong đó có những lô có sổ ông đứng tên riêng và hai lô đất chưa ra sổ do ông đứng tên đặt cọc (mà bà T đang kiện tranh chấp). Trong suốt thời gian đặt cọc những lô đất đó cho đến nay, ông cùng các hộ khai hoang ban đầu (hộ ông Thái Kim H và Thái Kim T2) tích cực canh tác, phát cây, trồng cây hàng năm, canh tác liên tục, tiến hành các thủ tục pháp lý để được công nhận quyền sử dụng đất. Bà T không tham gia vào quá trình này. Tiền mua hai tài sản nói trên từ tiền cá nhân ông, gia đình bạn bè ông vay mượn, và từ doanh thu phòng khám, nhà thuốc, hoàn

toàn không có đóng góp từ tiền cá nhân bà T. Ông không đồng ý với yêu cầu của bà T.

Ngày 04/7/2023, ông T1 có đơn yêu cầu phân tố về chia tài sản chung gồm:

1/Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 23, diện tích 4487,9m² và Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 23, diện tích 4226,1m² tọa lạc tại khu phố D, phường H, thành phố P giá trị ước tính 1.000.000.000 đồng.

2/01 xe ô tô Hyundai Tucson, giá tạm tính 500.000.000 đồng.

3/Số tiền 201.905.000 đồng (tiền riêng của ông T1).

Ông T1 yêu cầu chia tài sản như sau:

-Tài sản thứ nhất theo tỷ lệ ông T1 hưởng 75% = 750.000.000 đồng, bà T được hưởng 25% = 250.000.000 đồng.

-Tài sản thứ hai giao cho bà T, bà T hoàn lại số tiền 500.000.000 đồng cho ông T1 hoặc giao cho ông T1, ông T1 hoàn tiền cho bà T hoặc khấu trừ vào giá trị tài sản đang tranh chấp.

-Yêu cầu bà T hoàn trả số tiền 201.905.000 đồng cho ông T1.

Ngày 21/3/2024, ông Nguyễn Việt T1 có đơn xin rút yêu cầu phân tố.

Ngày 17/4/2024, ông T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của bị đơn có đơn xin xử vắng mặt.

Ngày 21/4/2024, người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt.

Tại phiên Tòa hôm nay vắng mặt ông T1.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Việt T1 là quan hệ vợ chồng, về con chung không có, về tài sản chung yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa bà T và ông T1 tại biên bản hoà giải của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết lập ngày 21/3/2024. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Cẩm T. Đình chỉ yêu cầu phân tố về chia tài sản chung của ông Nguyễn Việt T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, nguyên đơn không tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về thủ tục tố tụng**: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Nguyễn Việt T1 có nơi cư trú tại khu phố D, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị

Cẩm T về việc “*Ly hôn, chia tài sản chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 17/4/2024, ông Nguyễn Việt T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngày 21/4/2024, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân**: bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Việt T1 tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 2011, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay mâu thuẫn phát sinh bà T, ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy bà T, ông T1 có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không tạo điều kiện đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay mâu thuẫn phát sinh cả hai ông bà đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy căn cứ vào Điều 9, khoản 01 Điều 14, khoản 02 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Việt T1 là quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định pháp luật.

[2.2] **Về con chung**: không có.

[2.3] **Về tài sản chung**: công nhận sự thoả thuận giữa bà T, ông T1 được thể hiện tại biên bản hoà giải lập ngày 21/3/2024 của Tòa án Phan Thiết như sau:

Ông Nguyễn Việt T1 được quyền sử dụng các thửa đất sau:

1/Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 27, diện tích 62,7m² tọa lạc khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 921499 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/10/2019 mang tên Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị Cẩm T.

2/Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 27, diện tích 180m² tọa lạc khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 298325 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/7/2017 mang tên Mai Thị M, cập nhật biến động ngày 12/02/2018 mang tên Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị Cẩm T.

3/Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 27, diện tích 443,6m² tọa lạc khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 366405 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/11/2017 mang tên Mai Thị M, cập nhật biến động ngày 12/02/2018 mang tên Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị Cẩm T. Tổng trị giá tài sản là 35.000.000.000 đ (Ba mươi lăm tỷ đồng).

5/Ông Nguyễn Việt T1 có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền là 20.000.000.000đ (Hai mươi tỷ đồng) (tiền chia tài sản chung).

6/Đối với tài sản gắn liền trên đất bà T, ông T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

7/Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

8/Đình chỉ yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của ông Nguyễn Việt T1.
[2.4]Về án phí: bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà T, ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 211, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, khoản 01 Điều 14, 16, khoản 02 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 208, Điều 210, Điều 219, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC –BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án.

2/Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Việt T1 là quan hệ vợ chồng.

- **Về con chung:** không có.

- **Về tài sản chung:** Công nhận sự thoả thuận giữa các bên đương sự như sau:

+ Ông Nguyễn Việt T1 được quyền sử dụng các thửa đất sau:

1/Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 27, diện tích 62,7m² tọa lạc khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 921499 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/10/2019 mang tên Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị Cẩm T.

2/Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 27, diện tích 180m² tọa lạc khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 298325 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24/7/2017 mang tên Mai Thị M, cập nhật biến động ngày 12/02/2018 mang tên Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị Cẩm T.

3/Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 27, diện tích 443,6m² tọa lạc khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 366405 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/11/2017 mang tên Mai Thị M, cập nhật biến động ngày 12/02/2018 mang tên Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị Cẩm T.

Tổng trị giá tài sản là 35.000.000.000 đ (Ba mươi lăm tỷ đồng).

+ Ông Nguyễn Việt T1 có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền là 20.000.000.000đ (Hai mươi tỷ đồng) (tiền chia tài sản chung).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

+ Đình chỉ yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của ông Nguyễn Việt T1.

Đối với tài sản gắn liền trên đất bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- **Về nợ chung:** không có.

3/Về án phí: bà Nguyễn Thị Cẩm T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 64.000.0000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 05/6/2023, bà T đã nộp 28.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0015868 và ngày 19/7/2023 bà T đã nộp 34.575.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0018588 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết. Bà T phải nộp thêm 925.000 đồng. Ông T1 nộp 61.500.000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 04/7/2023 ông T1 đã nộp 33.037.000 đồng tiền tạm án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0018501 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết. Ông T1 phải nộp thêm 28.463.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2024). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường Hàm Tiến;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ THU HÀ

